| | |
|---|---|
| TỔNG CỤC THỐNG KÊ<br>**CỤC THỐNG KÊ TỈNH AN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 728 /BC-CTK | *An Giang, ngày 29 tháng 11 năm 2019.* |

# BÁO CÁO
## Tình hình kinh tế - xã hội tháng 11 năm 2019

### 1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thuỷ sản

Trong tháng 11/2019, sản xuất nông, lâm nghiệp và thuỷ sản của tỉnh tập trung chăm sóc và thu hoạch vụ Thu Đông, xuống giống vụ Mùa và vụ Đông Xuân (2019 - 2020) trong tình hình thời tiết thuận lợi và nước lũ thấp hơn cùng kỳ năm trước; nuôi trồng thuỷ sản tăng về quy mô và sản lượng thu hoạch, đặc biệt là các loại thuỷ sản có giá trị kinh tế cao;…điểm qua một số mặt như sau:

#### 1.1. Nông nghiệp

#### 1.1.1. Trồng trọt

- Vụ Thu Đông 2019, toàn tỉnh xuống giống được hơn 172,5 ngàn ha, đạt 102,49% KH và bằng 100,52% so cùng kỳ năm trước. Trong đó, diện tích (DT) lúa 157,5 ngàn ha, đạt 103,42% KH và bằng 100,58%; hoa màu các loại đã gieo trồng được 15 ngàn ha, đạt 93,66% KH và bằng 99,9%.

Do tình hình mưa lớn kéo dài đã gây thiệt hại 28 ha lúa và hoa màu vụ 3 (mức độ thiệt hại từ 30-70% là 10 ha và thiệt hại trên 70% là 18 ha). Tính đến 19/11/2019, toàn tỉnh đã thu hoạch được 62,5 ngàn ha lúa và hoa màu các loại (nhanh hơn gần 25,2 ngàn ha so cùng kỳ); trong đó cây lúa đã thu hoạch được 53 ngàn ha (tăng 25,8 ngàn ha), năng suất thu hoạch ước đạt 58,8 tạ/ha, tăng 3,2 tạ/ha. Tuy nhiên, với tình hình thời tiết và nước lũ diễn biến như hiện nay, dự kiến sẽ thu hoạch trọn vẹn diện tích sản xuất.

- Cùng thời gian này, 2 huyện miền núi Tịnh Biên và Tri Tôn đã xuống giống lúa vụ Mùa (2019-2020) với diện tích 5.052 ha, tăng 12 ha so cùng kỳ năm trước, chủ yếu do nông dân mở rộng diện tích cặp triền núi để sản xuất; trong đó: Cây lúa xuống giống được 4.785 ha, tăng 29 ha và hoa màu thực hiện gieo trồng ở huyện Tịnh Biên được 268 ha, giảm 16 ha so vụ Mùa năm trước.

- Vụ Đông Xuân (2019-2020), đến nay xuống giống được 73 ngàn ha lúa, đạt 31,07% KH và tăng gấp 2,43 lần so cùng kỳ năm trước (cùng kỳ chỉ xuống giống được 30 ngàn ha), xuống giống nhanh là do tỉnh có chủ trương điều chỉnh lịch thời vụ chung, đồng thời căn cứ diễn biến thời tiết cũng như dự báo của các ngành chức năng để thay đổi thời điểm xuống giống cho phù hợp. Riêng các loại hoa màu đã thực hiện gieo trồng được 3.161 ha, đạt 15,69% KH và tăng gấp 2,24 lần ha so cùng kỳ.

#### 1.1.2. Chăn nuôi

Tính đến 13/11/2019, dịch tả heo Châu Phi đã phát sinh ở 130 xã (113 xã dịch bệnh qua 30 ngày không tái phát) thuộc 10/11 huyện (trừ Tp. Châu Đốc). Tổng số heo nhiễm bệnh bị tiêu hủy trên địa bàn tỉnh gần 29 ngàn con, trọng lượng gần 1,9 ngàn tấn. Thực hiện hỗ trợ một phần kinh phí cho người chăn nuôi có heo bị tiêu hủy, ngân sách Nhà

nước phê duyệt 40,2 tỷ đồng, đạt 81,30% kinh phí ước tính thiệt hại của huyện. Ước tính, đàn heo toàn tỉnh có khoảng 67 ngàn con, bằng 60,36% so cùng kỳ.

Đàn gia cầm đang dần phát triển sang hướng tập trung tập với quy mô lớn, nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả chăn nuôi; ước tính, đàn gia cầm có khoảng 4,5 triệu con, bằng 102,34% so cùng kỳ; do nhu cầu người tiêu dùng tăng cao làm cho giá các sản phẩm gia cầm cũng có xu hướng nhích dần lên, như gà ta 100-110 ngàn đồng/kg (tăng 5-10 ngàn đồng/kg); vịt hơi 52-55 ngàn đồng/kg (tăng 2-3 ngàn đồng/kg); trứng vịt 24-25 ngàn đồng/chục (tăng 1-2 ngàn đồng/chục).

**1.2. Lâm nghiệp**

Sản lượng gỗ khai thác trong tháng khoảng 2.935 $m^3$, bằng 105,46% và 26.015 ster củi, bằng 104,19%...so cùng kỳ năm trước; tính chung, từ đầu năm đến nay, sản lượng gỗ ước thu hoạch là 31.800 $m^3$, tăng 2% (+ 623 $m^3$) và 275.060 ster củi, tăng 1,87% (+5.045 ster) so cùng kỳ.

**1.3. Thuỷ sản**

Sản lượng thuỷ sản 11 tháng năm 2019 tiếp tục tăng khá, ước đạt 505,4 ngàn tấn, so cùng kỳ năm trước tăng 6,57%, trong đó cá đạt 495,5 ngàn tấn, tăng 7,23%; thủy sản khác đạt 9,8 ngàn tấn, bằng 81,85%;...gồm:

- Nuôi trồng: Xuất khẩu sản phẩm vào các thị trường lớn Châu Á phục hồi (Trung Quốc, Hồng Kông và ASEAN), hệ thống kiểm soát an toàn thực phẩm sản phẩm cá tra cũng được Mỹ công nhận tương đương tiếp tục tạo điệu kiện mở rộng thị trường tiêu thụ. Cùng với việc, các doanh nghiệp chế biến thu mua nguyên liệu nhiều hơn phục vụ cho các đơn hàng cuối nên giá cá tra cũng dần ổn định.

Tính chung 11 tháng năm 2019, sản lượng thủy sản thu hoạch khoảng 487,8 ngàn tấn, tăng 7,55% so cùng kỳ; trong đó, sản lượng cá khoảng 486,5 ngàn tấn, tăng 7,73% (trong đó diện tích cá tra thu hoạch khoảng 1.236 ha, tăng 5,85% so cùng kỳ và sản lượng cá tra khoảng 364 ngàn tấn, tăng 9,96% so cùng kỳ).

Các tháng cuối năm, cá lóc thương phẩm ngoài tiêu thụ mạnh ở nội địa còn xuất khẩu tiểu ngạch sang thị trường Campuchia làm giá bán ổn định ở mức cao (giá bán dao động khoảng 41-45 ngàn đồng/kg, lợi nhuận 8-10 ngàn đồng/kg). Hiệu quả kinh tế cao nhiều hộ chuyển đổi sang nuôi cá lóc thương phẩm nên quy mô nuôi cũng được mở rộng. Cộng dồn 11 tháng, diện tích cá khác thu hoạch khoảng 956 ha, bằng 124,70% so cùng kỳ. Sản lượng cá khác thu hoạch 79 ngàn tấn, bằng 111,53% so cùng kỳ.

- Khai thác: Mặc dù, thượng nguồn có lũ nhưng mực nước lên muộn, thấp và rút nhanh nên nguồn lợi thủy sản tự nhiên cũng hạn chế. Ước sản lượng lượng thủy sản khai thác 11 tháng đạt 17,6 ngàn tấn, bằng 85,01% so cùng kỳ; trong đó, cá khai thác 9 ngàn tấn, bằng 86,06% so cùng kỳ.

**2. Sản xuất công nghiệp**

Sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trong tháng 11/2019 tiếp tục ổn định và có mức tăng trưởng, có mức tăng trưởng, cụ thể:

Ước chỉ số sản xuất ngành công nghiệp (IIP) tháng 11/2019 so tháng trước tăng 2,68% và so cùng kỳ tăng khá 6,99%, trong đó: Ngành khai khoáng tăng 0,7% và tăng 5,72%; chế biến, chế tạo tăng 3,04% và tăng 6,94%; sản xuất phân phối điện và nước đá tăng 0,01% và tăng 2,96%; cung cấp nước và xử lý nước thải, rác thải bằng 98,37% và tăng 0,6%.

Tính chung 11 tháng năm 2019, IIP tăng 8,38% so cùng kỳ năm trước (11 tháng năm 2018 so cùng kỳ tăng 8,80%), trong đó: Ngành khai khoáng tăng 4,69%; chế biến,

chế tạo tăng 8,60%; sản xuất phân phối điện và nước đá tăng 7,02%; cung cấp nước và xử lý nước thải, rác thải tăng 11,43%.

Điểm qua một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu, trong 11 tháng năm 2019 tăng cao so cùng kỳ năm trước: Phi lê đông lạnh đạt 141.669 tấn, tăng 14,41%. Áo sơ mi cho người lớn đạt 25,393 triệu cái, tăng 49,02%. SX ba lô đạt 97,255 triệu cái, tăng 16,4%. Xi măng Portland đen đạt 335.039 tấn, tăng 5,09%. Bê tông trộn sẵn đạt 156.815 $m^3$, tăng 16,93%. Điện thương phẩm đạt 2.852 triệu kwh, tăng 7,72%. Dịch vụ thu gom rác thải đạt 68,3 tỷ đồng, tăng 43,75%;…Một số sản phẩm tăng nhẹ hoặc giảm: Gạo đã xát toàn bộ đạt 1,616 triệu tấn, tăng 0,95%. Thuốc lá có đầu lọc, đạt 98,5 triệu bao, tăng 1,37%. Giày, dép có đế hoặc mũ bằng da đạt 14 triệu đôi, bằng 90,06%. Thuốc trừ sâu khác và sản phẩm hóa chất khác dùng trong nông nghiệp đạt 24.667 tấn, bằng 63,99%;…

**3. Đầu tư**

Thực hiện vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý ước tháng 11/2019 đạt 293,5 tỷ đồng, so tháng trước tăng 0,46% và so cùng kỳ bằng 77,9%.

Tính chung 11 tháng năm 2019, đạt 3.075 tỷ đồng, so KH năm đạt 80,9% và so cùng kỳ năm trước tăng 27,2%, trong đó chủ yếu là vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh thực hiện ước đạt 2.506 tỷ đồng, tăng 21,7% (trong đó vốn trung ương hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu đạt gần 557 tỷ đồng, tăng 53,6%; vốn ODA đạt 111 tỷ đồng, bằng 65%); cấp huyện đạt gần 569 tỷ đồng, bằng 158,8% so cùng kỳ năm trước.

**4. Thương mại, giá cả, vận tải và du lịch**

**4.1. Bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng**

Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu (DT) dịch vụ ( DV) tiêu dùng tháng 11/2019 ước đạt 11.536 tỷ đồng, tăng 4,48% so tháng trước và tăng 9,02% so cùng kỳ năm trước, trong đó: DT bán lẻ hàng hóa đạt 8.606 tỷ đồng, tăng 5,13% và tăng 9,11%; DT lưu trú, ăn uống đạt 2.117 tỷ đồng, tăng 2,60% và tăng 10,78%; du lịch lữ hành đạt 4 tỷ đồng, tăng 3,68% và tăng 2,85%; DT DV khác đạt 809 tỷ đồng, tăng 2,67% và tăng 3,75%.

Tính chung 11 tháng năm 2019, tổng mức bán lẻ hàng hoá và DT DV tiêu dùng ước đạt 112.883 tỷ đồng, so cùng kỳ tăng 11,07%, trong đó:

+ DT bán lẻ hàng hoá đạt 84.919 tỷ đồng (chiếm 75,23% so tổng mức; cùng kỳ năm trước là 74,97%), tăng 11,44% so cùng kỳ năm trước; nhìn chung, tất cả 11/12 ngành hàng đều tăng trên 10% đến gần 13%;...Riêng ngành hàng ô tô các loại chỉ tăng 9,06%.

+ DT hoạt động DV lưu trú, ăn uống đạt 19.888 tỷ đồng (chiếm 17,62% so tổng mức; cùng kỳ năm trước chiếm 17,59%), tăng 11,27% so cùng kỳ năm trước, trong đó: DV ăn uống đạt 19.635 tỷ đồng, tăng 11,37%; lưu trú đạt 253 tỷ đồng, tăng 4,21%.

+ DT hoạt động DV du lịch lữ hành đạt 38 tỷ đồng (chiếm 0,03% so tổng mức; cùng kỳ năm trước chiếm 0,04%), tăng 7,74% so cùng kỳ năm trước.

+ Doanh thu hoạt động DV khác đạt 8.038 tỷ đồng (chiếm 7,12% so tổng mức; cùng kỳ năm trước là 7,40%), tăng 6,84% so cùng kỳ năm trước.

**4.2. Xuất, nhập khẩu hàng hoá**

**4.2.1. Xuất khẩu hàng hoá**

Nhìn chung, tình hình xuất khẩu hàng hóa tháng 11/2019 tương đối ổn định, riêng mặt hàng thủy sản giảm nhẹ so tháng trước; do gặp sự cạnh tranh gay gắt từ các nước Ấn Độ, Ecuado, Indonesia, Thái Lan… Riêng thị trường Trung Quốc, trong thời gian dài sụt giảm. Tuy nhiên, sau thời gian đàm phán giữa cơ quan chức năng 2 nước tìm kiếm các

biện pháp để phía Trung Quốc mở cửa biên giới, nới lỏng chính sách để xuất khẩu cá tra vào thị trường này phục hồi vào những tháng cuối năm.

Ước kim ngạch xuất khẩu tháng 11/2019 đạt 77,09 triệu USD, bằng 99,94% so tháng trước và bằng 98,09% so cùng kỳ năm trước.

Tính chung 11 tháng năm 2019, kim ngạch xuất khẩu đạt 812,9 triệu USD, tăng 7,54% so cùng kỳ năm trước (trong đó khu vực kinh tế nhà nước đạt 36,1 triệu USD, tăng trên 26%; kinh tế tư nhân đạt 692,3 triệu USD, tăng 1,59%; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 84,5 triệu USD, tăng 84,8%;...). Điểm qua một số mặt hàng chủ yếu của tỉnh xuất khẩu 10 tháng năm 2019 so cùng kỳ năm trước:

+ Thủy sản, xuất khẩu đạt 105.455 tấn, tương đương 253,44 triệu USD, bằng 99,56% về lượng và bằng 97,3% về kim ngạch (trong đó cá tra, basa đạt 101.164 tấn, tương đương 241,68 triệu USD, bằng 98,19% về lượng và bằng 94,68% về kim ngạch).

Nguyên nhân sụt giảm là do công nghệ nuôi trồng thủy sản của các nước phát triển khá mạnh (Trung Quốc, Malaysia bắt đầu nuôi cá tra). Bên cạch đó, Thái Lan, Ấn Độ ngày càng kiểm soát tốt dịch bệnh và trúng mùa. Hiện nay, giá cá tra trên thị trường sụt giảm mạnh là do người dân mở rộng vùng nuôi ồ ạt, dẫn đến cung vượt cầu. Các doanh nghiệp xuất khẩu cần liên kết lại, thống nhất mức giá trần xuất khẩu có lời. Không để thị trường xuất khẩu ép giá khi cá tra nguyên liệu giảm.

+ Gạo xuất đạt 421.330 tấn, tương đương 208,5 triệu USD; bằng 96,41% về lượng và bằng 94,04% về kim ngạch. Nhìn chung, tình hình xuất khẩu gạo đến thời điểm hiện nay giảm cả về lượng và kim ngạch so với cùng kỳ; là do các thị trường lớn như Trung Quốc, Indonesia, Bangladesh, Philippines,…hạn chế nhập khẩu. Tuy nhiên, trong thời gian tới tình hình xuất khẩu khả quan hơn khi Philippines vừa quyết định mở rộng nhập khẩu gạo trở lại.

+ Rau quả đông lạnh xuất đạt 8.628 tấn, tương đương 14,52 triệu USD, tăng 13,38% về lượng và tăng 11,81% về kim ngạch.

+ Hàng dệt, may (quần áo các loại) xuất đạt 88,34 triệu USD, tăng 18,29%. Túi xách, ví, vali, mũ và ô dù xuất đạt 30,13 triệu USD, tăng 18,47%. Giày dép các loại xuất đạt xuất đạt 25,62 triệu USD, tăng 19,34%. Phân bón các loại đạt 18,87 triệu USD, tăng 37,99% về kim ngạch. Hàng hóa khác đạt 159 triệu USD, tăng 23,33% về kim ngạch.

#### 4.2.2. Nhập khẩu hàng hoá

Ước nhập khẩu hàng hoá tháng 11/2019 đạt 14,33 triệu USD, tăng 0,07% so tháng trước và bằng 99,7% so cùng kỳ năm trước.

Tính chung 11 tháng năm 2019, nhập khẩu hàng hóa đạt 145,65 triệu USD, tăng 5,70% so cùng kỳ năm trước, điểm qua một số mặt hàng chủ yếu có giá trị nhập khẩu trong 11 tháng năm 2019 tăng cao so cùng kỳ: Vải các loại đạt 57,29 triệu USD, tăng 18,9%; phân bón các loại đạt 8,16 triệu USD, tăng 15,9%; hàng hóa đạt 20 99 triệu USD, tăng 22,5%;…

### 4.3. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng và chỉ số giá đô la Mỹ

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 10/2019 tăng tiếp thêm 0,65% so tháng trước, trong đó tất cả 11 nhóm hàng đều tăng và tăng cao nhất là nhóm giao thông, với mức tăng 1,13% (chủ yếu do mặt hàng nhiên liệu tăng 1,98% so tháng trước); kế đến văn hóa, giải trí và du lịch tăng 1,10% (giá các tour du lịch tăng, giá tăng 8,36% hay tăng 450.000đ/người/chuyến đối với du lịch ngoài nước); giáo dục tăng 0,87% (dich5 vụ giáo dục tăng 1,05%); hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,80% (trong đó lương thực giảm 0,19%; thực phẩm tăng 1,19%; ăn uống ngoài gia đình tăng 0,60%); hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,56%; nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD tăng 0,51%; đồ uống và thuốc lá

tăng 0,38%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,18%; bưu chính, viễn thông tăng 0,10%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,07%; may mặc, giày dép và mũ nón tăng 0,02%;

CPI tháng 10/2019 tăng 3,42% so tháng 12 năm trước; so cùng kỳ tăng 3,30%.

Chỉ số giá vàng (kiểu nhẫn tròn 1-2 chỉ; vàng 99,99%) tháng 10/2019 giảm 0,55% so tháng trước; so tháng 12/2018 tăng 17,93% và so cùng kỳ tăng 20,69% (do ảnh hưởng giá thế giới). Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 10/2019 tương đương tháng trước; so tháng 12/2018 giảm 1,15% và so cùng kỳ năm trước giảm 1,13% (do ảnh hưởng giá thế giới).

**4.4. Vận tải hành khách và hàng hoá**

Ước doanh thu tháng 11/2019 đạt 466 tỷ đồng, tăng 11,64% so cùng kỳ năm trước; tính chung 11 tháng năm 2019, doanh thu đạt 4.899 tỷ đồng, tăng 11,5% so cùng kỳ.

- Vận tải hành khách 11 tháng năm 2019, ước đạt 134 triệu lượt khách, tăng 12,92% và luân chuyển 2.232 triệu lượt khách.km, tăng 11,9% so cùng kỳ năm trước, bao gồm: Vận tải hành khách đường bộ đạt 89 triệu lượt khách, tăng trên 11% và luân chuyển đạt 2.187 triệu lượt khách.km, tăng 11,9%; đường sông đạt 45 triệu lượt khách, tăng 16,9% và đạt 45 triệu lượt khách.km, tăng 16,2%.

- Vận tải hàng hoá 11 tháng năm 2019 ước đạt 35,8 triệu tấn, tăng 11,4% và luân chuyển đạt 2.852,7 triệu tấn.km, tăng 11,9% so cùng kỳ, bao gồm: Vận tải hàng hoá đường bộ đạt 9,7 triệu tấn, tăng 12,2% và luân chuyển đạt 773,8 triệu tấn.km, tăng 12,9%; đường sông đạt 26,1 triệu tấn, tăng 11,1% và 2.078,9 triệu tấn.km, tăng 11,6%.

**5. Một số tình hình xã hội**

**5.1. Tình hình dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm**

- Tình hình dịch bệnh từ đầu năm đến ngày 19/11/2019 so cùng kỳ năm trước: Sốt xuất huyết (SXH) có 6.616 ca mắc, tăng 77,14%; tử vong 1 ca, tương đương cùng kỳ năm trước. Thương hàn và phó thương hàn có 36 ca, không tử vong. Tay chân miệng có 2.638 ca mắc, tăng 36,3%, không tử vong. Đã xử lý 1.930 ổ dịch sốt xuất huyết và 372 ổ dịch tay chân miệng, tại 79/156 phường xã thị trấn trong tỉnh.

Trong tháng, không ghi nhận ngộ độc thực phẩm xảy ra; tính chung, từ đầu năm 2019 đến nay xảy ra 1 vụ ngộ độc thực phẩm với 4 người mắc, 1 người tử vong.

**5.2. Trật tự an toàn xã hội - phòng chống cháy nổ**

Trong 11 tháng năm 2019, toàn tỉnh đã xảy ra 61 vụ tai nạn giao thông, bằng 80,26% so cùng kỳ năm trước (trong đó đường bộ chiếm 59 vụ, bằng 80,82%); làm chết 55 người, bằng 65,48% so cùng kỳ và làm bị thương 27 người, bằng 65,85% so cùng kỳ.

Trong 11 tháng năm 2019, xảy ra 17 vụ cháy, nổ, bằng 106,25% so cùng kỳ; làm bị thương 1 người và ước giá trị thiệt hại 9,96 tỷ đồng, bằng 101,68% so cùng kỳ./.

***Nơi nhận:***
- VP. Tỉnh ủy;
- VP. HĐND tỉnh;
- VP. UBND tỉnh;
- Đảng uỷ khối CQ&DN tỉnh.

} để báo cáo

- P.ANKT, Công an tỉnh;
- Sở KH&ĐT, Sở VH-TT&DL tỉnh.
- Lưu: VT; P. TK Tổng hợp.

**CỤC TRƯỞNG**

**Thiều Vĩnh An**